TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2021/HS-PT
Ngày: 15/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;
Các Thẩm phán: Ông Hồ Đình Trung;
Ông Nguyễn Vũ Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 749/2020/TLPT-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Đức Th, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Đức Th (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07 tháng 6 năm 1978 tại thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn Mù Cang Ch, huyện Mù Cang Ch, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th1 và bà Hoàng Thị B; có vợ là Phạm Thị Thu Hg (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010); tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án số 10/2018/HSST ngày 07-02-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24-10-2019. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hoàng Hữu Th2-Văn phòng luật sư Hữu Th2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1950; trú tại: Tổ 7, thị trấn Yên B1, huyện Yên B1, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Luật sư Lê Đình Ch1– Công ty luật TNHH 24H, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị H1, sinh năm 1967; trú tại: Tổ 6, thị trấn Yên B1, huyện Yên B1, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 03 bị hại; 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 29-9-2019 đến ngày 04-10-2019, chị Lê Thị H1, trú tại tổ 6, thị trấn Yên B1, huyện Yên B1, tỉnh Yên Bái đi du lịch tại Thái Lan có nhờ Nguyễn Đức Th trông nhà hộ. Chị H1 có để ở nhà chiếc điện thoại di động Iphone 6s Plus lắp sim số 0918.939.777. Do đã có lần Th đưa chị H1 đến nhà bà Nguyễn Thị Th3, trú tại tổ 7, thị trấn Yên B1, huyện Yên B1 vay tiền, nên Th đã sử dụng chiếc điện thoại di động và Sim số điện thoại 0918.939.777 của chị H1 để gọi điện, nhắn tin cho bà Th3 hỏi vay tiền cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Hồi 16 giờ 03 phút ngày 29-9-2019, Th giả giọng chị H1 gọi điện cho bà Th3 hỏi vay tiền, bà Th3 đồng ý và bảo Th nhắn tin lại, Th nhắn tin cho bà Th3 với nội dung *"Co cho chau lấy 100 triệu bạn chau là Th suong lay co nhe. Sô điện thoai của ban chau là 0979209385"*, sau đó Th đến nhà bà Th3 lấy 100.000.000 đồng và viết vào sổ của bà Th3 *"Tôi là Nguyễn Đức Th vay cho chị Lê Thị H1 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) của cô Th3"*, giấy vay đề ngày 30-9-2019.

- Lần thứ hai: Hồi 10 giờ 42 phút ngày 01-10-2019 Th nhắn tin cho bà Th3 *"Co cho chau lấy 100.000.000 đồng nữa nhé. Bạn cháu lên lấy"*, sau đó Th đến nhà bà Th3 lấy 100.000.000 đồng và viết vào sổ của bà Th3 với nội dung *"tôi Nguyễn Đức Th có vay cho chị Lê Thị H1 số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) của cô Th3"*, giấy vay nợ đề ngày 02-10-2019, ký rõ họ tên Nguyễn Đức Th.

- Lần thứ ba: Hồi 09 giờ 08 phút ngày 03-10-2019, Th nhắn tin cho bà Th3 *"co cho chau lay 270 triêu mai chau ve chau len sau. ban chau len lay co nhe"*. Bà Th3 đồng ý, Th đến nhà bà Th3 lấy 270.000.000 đồng và viết vào sổ của bà Th3, nội dung *"tôi Nguyễn Đức Th có vay cho chị Lê Thị H1 số tiền là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) của cô Th3"*, giấy vay đề ngày 03-10-2019 ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Đức Th.

- Lần thứ tư: Hồi 20 giờ 04 phút ngày 03-10-2019, Th tiếp tục nhắn tin cho bà Th3 *"Cho cháu lấy 80 triệu nữa"*, sau đó Th đến nhà bà Th3 lấy 80.000.000 đồng và viết vào sổ của Th3 với nội dung *"tôi Nguyễn Đức Th có vay cho chị Lê Thị H1 số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) của cô Th3"*, giấy vay đề ngày 04-10-2019 ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Đức Th.

- Lần thứ năm: Tối ngày 04-10-2019, Th tiếp tục giả làm giọng của chị H1 gọi cho bà Th3 hỏi vay 200.000.000 đồng. Bà Th3 bảo *"về rồi thì lên lấy tiền"*, Th nói *"Cháu mệt không lên được"*. Bà Th3 bảo phải viết giấy đưa Th mang lên, Th lấy giấy bút giả nét chữ của chị H1 viết giấy vay tiền với nội dung *"Cháu Lê Thị H1 có vay của cô Th3 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng chẵn)"*, giấy vay ghi ngày 05-10-2019, ký và ghi rõ họ tên Lê Thị H1, sau đó mang đến nhà bà Th3 lấy tiền. Bà Th3 đối chiếu chữ viết xong đưa cho Th 200.000.000 đồng, Th viết thêm vào giấy vay tiền *"Cháu Nguyễn Đức Th nhận đủ số tiền trên của cô Th3"*.

Tổng số tiền Nguyễn Đức Th chiếm đoạt của Nguyễn Thị Th3 là 750.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên Th đã dùng đánh bạc hết.

Ngoài ra, ngày 15-9-2019, Nguyễn Đức Th đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Đức Th để thuê của anh Nguyễn Mạnh Hạ một chiếc xe ô tô tải loại Portor, nhãn hiệu Hyundai, BKS 29C-633.86, sau đó mang bán chiếc xe ô tô này lấy tiền đánh bạc hết (trị giá chiếc xe ô tô là 24.000.000 đồng); Ngày 27-9-2019 Nguyễn Đức Th dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy chứng minh nhân dân giả cầm cố cho anh Vũ Văn Thể để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng. Từ ngày 19-10-2019 đến ngày 22-10-2019, Nguyễn Đức Th đã lừa, chiếm đoạt của anh Hà Huy Hùng 05 tấn xi măng PCB40 Yên B1; 3,8 tấn xi măng PCB30 Yên Bái và 5.000 viên gạch Xuân Lan, trị giá 14.524.000 đồng.

- Tại Công văn số 3177 ngày 21-11-2019 của Tổng công ty hạ tầng mạng cung cấp thông tin chi tiết cuộc gọi đi, gọi đến, tin nhắn của số điện thoại 0918.939.777 từ ngày 28-9-2019 đến ngày 07-10-2019 được thực hiện các cột sóng thuộc lãnh thổ Việt Nam.

- Tại Biên bản kết luận định giá tài sản ngày 18-11-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên B1, tỉnh Yên Bái kết luận chiếc xe ô tô tải loại Portor, nhãn hiệu Huyndai, BKS 29C-633.86 đã qua sử dụng trị giá 24.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 259 ngày 21-11-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

+ Chữ ký dưới mục "Người thuê xe" trên "Hợp đồng thuê xe" ký hiệu A1; chữ ký dưới mục "Người mua" trên "Giấy bán xe" ký hiệu A2; chữ ký trên

“Giấy chứng nhận” ký hiệu A3 so với chữ ký của Nguyễn Đức Th trên các mẫu tài liệu, so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký ra.

+ Chữ viết “Nguyễn Đức Th” dưới mục “Người thuê xe” trên “Hợp đồng cho thuê xe” ký hiệu A1; chữ viết “Nguyễn Đức Th” dưới mục “Người mua” trên “Giấy bán xe” (ký hiệu A2); chữ viết trên “Giấy chứng nhận” (ký hiệu A3) so với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người viết ra.

- Tại Kết luận giám định số 273 ngày 10-12-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

+ Giấy chứng minh nhân dân số 060612450 mang tên Nguyễn Đức Th gửi giám định là giả.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gửi giám định là giả.

+ Chữ viết bằng mực xanh có nội dung “Ngày 5-10-2019 cháu Lê Thị H1.....Lê Thị H1” trên tài liệu ký hiệu A3 so với chữ viết của Lê Thị H1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M11 không phải do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký dưới mục “Người vay” đề tên Lê Thị H1 trên tài liệu ký hiệu A3 so với chữ ký của Lê Thị H1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M11 không phải do cùng một người ký ra.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 4404 ngày 25-12-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Yên Bái kết luận:

+ 3,8 tấn xi măng bao giấy 02 lớp loại PCB30 Yên Bái là 3.724.000 đồng.

+ 05 tấn xi măng bao giấy 02 lớp loại PCB40 Yên B1 là 5.300.000 đồng.

+ 5000 viên gạch nung Xuân Lan EG5-100A1 là 5.500.000 đồng.

Tổng giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt của các tài sản là 14.524.000 đồng, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 05/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Th phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đức Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16

(Mười sáu) năm tù.

- Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" của Bản án số 10/2018/HSST ngày 07-02-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, buộc bị cáo Nguyễn Đức Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 17 (Mười bẩy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 24-10-2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Nguyễn Đức Th bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th3 số tiền 750.000.000đ (Bẩy trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với các bị hại khác trong vụ án gồm: Anh Nguyễn Mạnh Hà, anh Vũ Văn Thể, anh Hà Huy Hùng; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12-8-2020, bị hại bà Nguyễn Thị Th3 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét dấu hậu bỏ lọt tội phạm, đồng phạm đối với hành vi của chị Lê Thị H1 vì chị H1 có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo Nguyễn Đức Th; nhiều tình tiết quan trọng chưa được làm rõ, cần phải xem xét một cách khách quan toàn diện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm quy kết và thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội. Bị cáo xác nhận, chị Lê Thị H1 không liên quan đến hành vi của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật, nên bị cáo không kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị hại bà Nguyễn Thị Th3 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra bổ sung vì có nhiều vi phạm tố tụng của Cơ quan điều tra, chưa làm rõ trách nhiệm của chị Lê Thị H1 trong việc bị cáo Th vay tiền của bà Th3, có dấu hiệu chị Lê Thị H1 đồng phạm với bị cáo Nguyễn Đức Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H1 khai trong khoảng thời gian từ ngày 29-9-2019 đến ngày 03-10-2019, bản thân chị H1 đã xuất cảnh sang Thái Lan, nên không biết và không liên quan đến hành vi của bị cáo Th lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Th3. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp khách quan với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xử

phạt bị cáo Nguyễn Đức Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b,d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ không thấy có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, yêu cầu của bà Th3 đã được các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm làm rõ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng người, đúng pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày:

Thứ nhất, Cơ quan điều tra cho rằng không thực nghiệm điều tra Th giả giọng chị H1 để gọi điện vay tiền bà Th3 với lý do không có khả năng kiểm chứng bị cáo Th đã gọi điện thoại cho bà Th3 như thế nào là không có căn cứ, không xem xét đến chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đó là lời khai thống nhất của bị cáo BL135 (09-10-2019); BL153 (22-11-2019) và tại phiên tòa ngày 26-5-2020 Th khai nhận thống nhất: "Khi tôi gọi điện cho bà Th3 thì tôi mở tivi to, dùng tay bịt mũi mình lại, sau đó để máy điện thoại xa mồm, mở loa ngoài nói chuyện điện thoại với bà Th3 nhằm mục đích để bà Th3 không phát hiện ra tôi giả giọng chị H1". Lời khai của bị cáo đã thể hiện rõ phương thức giả giọng như thế nào?

Thứ hai, cấp sơ thẩm cho rằng chỉ có bà Th3 nghe điện thoại, khi thấy số điện thoại của chị H1 gọi đến bà Th3 nghĩ ngay là chị H1. Nay thực nghiệm lại, bà Th3 sẽ khẳng định không phải giọng người đã gọi điện: Đây là kết luận hoàn toàn suy diễn chủ quan và quy chụp. Bởi bà Th3 hoàn toàn minh mẫn, không có vấn đề về thính giác cũng như thần kinh. Bản thân bà là người làm ăn, giao dịch một số tiền lớn thì không thể cảm tính "thấy số điện thoại là nghĩ ngay là H1" như Cơ quan điều tra kết luận.

Về vấn đề thực nghiệm điều tra theo Điều 204 Bộ luật Tố tụng hình sự là *dựng lại hiện trường, diễn lại hành vi, tình huống hoặc những tình tiết khác của một sự việc nhất định và tiến hành các hoạt động thực nghiệm cần thiết.* Theo lời khai đã xác định được trong hồ sơ mà bị cáo Th đã thừa nhận tại Tòa cách thức giả giọng là ngồi ở ghế gọi điện thoại cho bà Th3, bịt mũi, mở loa ngoài, đưa điện thoại ra xa hướng về phía tivi, bật tivi âm lượng to. Khoảng cách giữa tivi và ghế là 3m. Như vậy, ý nghĩa của thực nghiệm điều tra không chỉ kiểm chứng giọng nói khi thực nghiệm có phải giọng đã nói qua điện thoại ở các lần lừa đảo không. Mà còn kiểm chứng có thể giả được không? Có thu được kết quả hay không? Có phù hợp với lời khai của bị cáo không? Và quan trọng nhất...có

chấp nhận được không?

Thứ ba, Cơ quan điều tra cho rằng chị H1 đi du lịch Thái Lan, không có nhà nên không thể dùng số điện thoại có đuôi...777 ở nhà để gọi cho bà Th3 và Th đã nhận tội. Đây là suy luận thiếu chặt chẽ, vội vàng, chủ quan. Nếu chị H1 gọi qua ứng dụng Zalo video về vào số đăng ký tài khoản Zalo của Th (0979 209 395) rồi cùng lúc đó, Th gọi cho bà Th3 bằng số đuôi ...777, ghé sát 2 điện thoại, bật loa ngoài cả 2 điện thoại thì hoàn hợp lý, hoàn toàn chủ động, không tạp âm, chuẩn giọng. Nếu trường hợp trên xảy ra liệu kết luận của Cơ quan điều tra có còn chắc chắn không?

Thứ tư, Cơ quan điều tra cho rằng từ ngày 29-9-2019, chị H1 có liên lạc với Th 1 lần qua Zalo, nội dung hỏi thăm nhà cửa. Việc thu giữ tài liệu về việc liên hệ không thể thực hiện được là không có căn cứ. Cơ quan điều tra không làm rõ lý do gì không thể thực hiện được? Nội dung cuộc thoại, video có thể không thu thập được nhưng số lần gọi, phương thức gọi, thời gian, địa điểm, thời lượng gọi phải xác định được. Cơ quan điều tra chỉ lấy lời khai của chị H1 và Th để kết luận chị H1, Th liên lạc với nhau 1 lần là không khách quan, không tiến hành hoạt động điều tra khác như trích xuất cuộc gọi, danh bạ gọi từ nhà cung cấp mạng là chưa khách quan, vi phạm các nguyên tắc tố tụng tại Điều 15, Điều 19 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Thứ năm, việc xác định số điện thoại đã gọi đến, gọi đi số thuê bao có đuôi... 777 và của Th chỉ căn cứ vào lời khai của 3 người gồm Hoàng Văn Thành (BL554), Nguyễn Thị Xuân (BL 552), Vũ Thị Huyền (BL 550) mà không trích xuất cụ thể tại nhà mạng là không khách quan.

Ngoài ra, bị cáo khai lên Lào Cai bằng xe ô tô chở khách của hãng Sao Việt để đánh bạc, nên cũng cần trích xuất camera từ hãng xe này để làm rõ lịch trình di chuyển của bị cáo như thế nào.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, các luật sư, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đức Th phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan, người làm chứng, phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như Biên bản định giá tài sản, Kết luận giám định, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày từ 29-9-2019 đến ngày 04-10-2019, Nguyễn Đức Th đã sử dụng Sim số điện thoại của chị Nguyễn Thị H1, giả giọng chị H1 gọi điện, nhắn tin, giả mạo chữ viết của chị H1 vay tiền của bà Nguyễn Thị Th3, để chiếm đoạt của bà Th3 750.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 15-9-2019, Nguyễn Đức Th đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Đức Th để thuê của anh Nguyễn Mạnh Hạ một chiếc xe ô tô tải loại Portor, nhãn hiệu Hyundai, BKS 29C-633.86, sau đó mang bán chiếc xe ô tô này lấy tiền đánh bạc hết (trị giá chiếc xe ô tô là 24.000.000 đồng); Ngày 27-9-2019 Nguyễn Đức Th dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy chứng minh nhân dân giả cầm cố cho anh Vũ Văn Thể để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng; Từ ngày 19-10-2019 đến ngày 22-10-2019, Nguyễn Đức Th đã lừa, chiếm đoạt của anh Hà Huy Hùng 05 tấn xi măng PCB40 Yên B1; 3,8 tấn xi măng PCB30 Yên Bái và 5.000 viên gạch Xuân Lan, trị giá 14.524.000 đồng. Tổng số tiền, tài sản mà bị cáo Nguyễn Đức Th chiếm đoạt được là 888.524.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b,d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Khi quyết định mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm; bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhiều lần, nên đã áp dụng đối với bị cáo các tình tiết quy đinh tại điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo với tổng mức hình phạt 17 (Mười bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra và bị cáo cũng không có kháng cáo đối với bản án này.

[2] Xét kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Th3, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu trong hồ sơ thể hiện, cũng như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Tại Danh sách khách xuất nhập cảnh kèm theo Công văn số 9110/A8(P5) của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam: Lê Thị H1 sinh ngày 14-4-1967, số Hộ chiếu B5407730, xuất cảnh hồi 09:48:58 ngày 29/9/2019 tại Cửa khẩu Sân bay Quốc tế Nội Bài; nhập cảnh hồi 17:34:42 ngày 03/10/2019 tại Cửa khẩu Sân bay Quốc tế Nội Bài; Tại Văn bản số 3177/KTM-ANM ngày 21-11-2019 của Ban khai thác mạng-Tổng công ty hạ tầng mạng, về việc cung cấp thông tin theo Lệnh thu giữ thư điện tín của Cơ quan điều tra thể hiện: trong khoảng thời gian từ 29-9-2019 đến

ngày 03-10-2019, các cuộc gọi giữa số thuê bao 0918939777 (số điện thoại của chị H1) và số thuê bao 0915434045 (số điện thoại của bà Th3) đều được thực hiện tại Việt Nam. Mặt khác, tại Kết luận giám định số 273 ngày 10-12-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: Chữ viết bằng mực xanh có nội dung "Ngày 5-10-2019 cháu Lê Thị H1.....Lê Thị H1" trên tài liệu ký hiệu A3 so với chữ viết của Lê Thị H1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M11 không phải do cùng một người viết ra. Chữ ký dưới mục "Người vay" đề tên Lê Thị H1 trên tài liệu ký hiệu A3 so với chữ ký của Lê Thị H1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M11 không phải do cùng một người ký ra. Nên có đủ cơ sở khẳng định trong khoảng thời gian từ ngày 29-9-2019 đến ngày 03-10-2019, chị Lê Thị H1 không phải là người gọi điện, nhắn tin cho bà Nguyễn Thị Th3 qua số thuê bao 0918939777; chị H1 không biết Th đã thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian này, do đó cấp sơ thẩm không xem xét về vấn đề trách nhiệm hình sự đối với chị Lê Thị H1 là có căn cứ. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Th3 kháng cáo cho rằng chị Lê Thị H1 là người trực tiếp gọi điện thoại, nhắn tin cho bà Th3 qua số thuê bao 0918939777 để vay tiền, nên chị H1 phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền 750.000.000 đồng mà bị cáo Th chiếm đoạt, đồng thời có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo trong vụ án là không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm liên quan đến bà Nguyễn Thị Th3.

[3] Đối với các vấn đề khác mà bà Nguyễn Thị Th3 cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th3 đề nghị xem xét trong quá trình giải quyết vụ án như không thực nghiệm điều tra bị cáo Th giả giọng chị Lê Thị H1 gọi điện cho bà Nguyễn Thị Th3; không thu giữ dữ liệu, nội dung liên hệ thông qua ứng dụng Zalo trong các cuộc liên lạc giữa chị H1 và bị cáo Th...Về các vấn đề này, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm cũng đã xem xét, điều tra bổ sung và kết luận đầy đủ. Mặt khác, các vấn đề này không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm thay đổi hành vi phạm tội của bị cáo cũng như không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng, nên các đề nghị này của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là không có cơ sở xem xét.

[4] Về án phí: Bị hại bà Nguyễn Thị Th3 kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1950 nên theo Luật Người cao tuổi và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Nguyễn Thị Th3 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Th3; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 05-8-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Th phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đức Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (Mười sáu) năm tù.

- Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" của Bản án số 10/2018/HSST ngày 07-02-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, buộc bị cáo Nguyễn Đức Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 17 (Mười bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 24-10-2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức Th bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th3 số tiền 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th3 không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Bị hại (theo đ/c);
- Người có QLNVLQ (theo đ/c);
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học